

## **Trung Quốc muốn gì?\***

**Ross Terrill<sup>†</sup>**

*Đại học Harvard, Mỹ*

Khi Trung Quốc lần đầu tiên làm Mỹ tò mò vào cuối thế kỷ 18, chúng ta muốn trà và lụa của họ. Các nhà truyền giáo Mỹ và các thương nhân đến Quảng Châu và các cảng khác chẳng bận tâm nghĩ xem Trung Quốc có thể muốn gì ở chúng ta - chỉ là phúc âm Kitô giáo, đồ tiêu dùng lật vặt và thuốc lá, dường như họ cho là như vậy. Trong nhiều năm kể từ khi ấy đến nay, người Mỹ ít có dịp để cân nhắc lại câu hỏi này. Khuôn mẫu lịch sử là nước Mỹ ảnh hưởng đến Trung Quốc, và động lực không ngang bằng đó đạt đến cao điểm trong liên minh với chính phủ Quốc Dân Đảng khắp khênh của Tưởng Giới Thạch chống các cường quốc phát xít trong Thế Chiến thứ II. Trong những năm 1940, người ta nghĩ rằng ước vọng Trung Quốc đơn giản chỉ là hồi phục từ ách thống trị của Nhật, sự nghèo đói, mất đoàn kết, và tham nhũng.

Khi “Trung Quốc của chúng ta” (chính quyền Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch) bị tan thành khối vào cuối thập niên 1940, và những người Cộng Sản chiếm lấy Bắc Kinh, thì Trung Quốc trở thành một Kẻ Khác. Trong những năm gay gắt sau chiến thắng của Mao Trạch Đông vào năm 1949, Trung Quốc đã vượt ra ngoài vùng ảnh hưởng của chúng ta. Nhưng chúng ta vẫn biết Trung Quốc muốn gì: Mao đã cảnh báo rằng ông sẽ “nghiêng về một phía,” và ngay sau đó ông ta tuyên bố, “Liên Xô hôm nay là ngày mai của Trung Quốc.” Chúng ta là “bọn đế quốc”, và Mao chống lại chúng ta.

---

\* Phiên dịch bài “What does China Want?”, Wilson Quarterly, Mùa thu 2005.

<sup>†</sup> Ross Terrill, chuyên gia nghiên cứu ở Trung tâm Nghiên cứu Đông Á Fairbank thuộc Đại học Harvard, là tác giả cuốn *Mao (1999)*, *Trung Quốc trong Thời đại của chúng ta (1992)*, và *Bà Mao (2000)*. Cuốn sách gần đây nhất của ông, *Đế chế Trung Hoa mới*, được giải của Los Angeles Times Book năm 2004.

Sau khi Moscow và Bắc Kinh xích mích vào đầu những năm 1960 và chiến tranh Việt Nam leo thang sau đó trong cùng thập kỷ, thì những mong muốn của Trung Quốc trở nên phức tạp hơn. Trong cái gọi là Cách mạng Văn hóa của những năm 1960, những lĩnh vực Mao Trạch Đông quan tâm có vẻ phi lý đối với Mỹ, cũng như đối với Moscow và hầu hết các nước trên thế giới. Tuy nhiên, vào năm 1971 Bắc Kinh cho Tổng thống Richard Nixon thấy là họ muốn nghiêng về phía Mỹ để giúp một nước Mỹ mà họ cho là yếu đi đối trọng với sự nổi lên của Liên Xô.

Ngày nay, một lần nữa, các mục tiêu của Trung Quốc trở nên khó nhận ra, nhưng sự hiểu biết các mục tiêu này lại bức xúc hơn bao giờ hết. Sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991 và sự lan tràn của dân chủ trên khắp thế giới, Trung Quốc là một hiện tượng khó hiểu: thành công kinh tế dưới một chế độ cộng sản. Thế giới biết rõ Hoa Kỳ bênh vực cái gì: đó là thị trường tự do và dân chủ ở bất cứ nơi nào có thể. Và cũng biết Osama bin Laden muốn cái gì: đó là sự khôi phục thần quyền của các giáo chủ đạo Hồi. Mục tiêu của Trung Quốc thì không rõ ràng như thế. Người Trung Quốc nghĩ đến tiền, trong thời hậu Mao, hậu Liên Xô, muốn gì? Câu hỏi này làm nhiều người Mỹ thắc mắc - và âu lo.

Mặc dù ảnh hưởng của Trung Quốc đã lên cao trong những năm qua, Bắc Kinh vẫn còn xu hướng cư xử theo kiểu phản ứng, thay vì theo đuổi những mục tiêu rõ rệt, ngoài biên giới của họ. (Nhân mạnh của người dịch: Bài này được xuất bản năm 2005.) Điều này làm một số người an lòng, họ cho rằng Trung Quốc là một cường quốc thận trọng, thậm chí bảo thủ. Và, trong mức độ nào đó, quốc gia ấy quả là vậy. Song đây không phải là trọn câu chuyện. Thật ra, Bắc Kinh chỉ cư xử kiểu phòng thủ trong ba khía cạnh cơ bản: *Một là*, họ tự thấy mình như đang hồi phục từ tình trạng lạc hậu kinh tế; *hai là*, họ đối phó, trong sự nản lòng thâm lặng, với sự yếu đuối của họ so với sức mạnh của Mỹ, và *ba là*, họ tham gia vào nhiều tổ chức quốc tế chỉ với mục đích hạn hẹp là để ngăn ngừa chương trình nghị sự của các tổ chức này gây phiền toái cho Trung Quốc. Cách hành xử phòng thủ này có thể cho ấn tượng rằng Bắc Kinh có sự lưỡng lự: liệu nên tìm cách trở về vị trí đứng đầu châu Á như thời đế quốc trước đây, thuở “Vương quốc Trung tâm”, hoặc nên tham gia cái mà những người không phải Trung Quốc gọi là “cộng đồng quốc tế.” Tất nhiên, có thể chỉ đơn giản là Trung Quốc đang chơi trò chờ thời, che giấu những ý đồ mà hiện nay dường như quá khó thực hiện.

Không giống như Mỹ hay tuyên bố ầm ĩ các mục tiêu của họ, Trung Quốc có vẻ muốn giữ các ý định của họ trong bọc kín. Nếu bạn đọc các bài phát biểu của chủ tịch Hồ Cẩm Đào, cũng là lãnh đạo Đảng Cộng sản và là người đứng đầu quân đội, hoặc những phát biểu của người tiền nhiệm của ông là Giang Trạch Dân, thì “hòa bình và phát triển” dường như là mục tiêu của chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Cụm từ này đưa thông tin nhưng cũng đánh lạc hướng. Hòa bình và phát triển là phương tiện chứ không phải là cứu cánh cho chính sách đối ngoại của

Bắc Kinh. Nói rằng chúng là mục tiêu của Trung Quốc thì cũng như nói rằng mục tiêu ngày mai của Hồ Cẩm Đào là sẽ mặc quần và đánh răng.

Trong thế giới ngày nay, Trung Quốc là khác thường vì họ vừa một phần là đế chế và một phần là quốc gia hiện đại. Một nhà nước đảng trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin hiện đại hóa đã được thiết lập trên một truyền thống cai trị thành công rất lâu đời và tinh thần đế quốc nằm trong truyền thống ấy. Đặc tính này kéo dài đế chế chuyên quyền vào một kỷ nguyên mà các đế chế thường là đa quốc gia. Đáng kinh ngạc là Cộng sản Trung Quốc thừa kế biên giới của đế chế nhà Thanh vào thời điểm cực đại, bao gồm Tây Tạng, nam Mông Cổ, và tây Hồi có thời từng là Đông Turkestan. Song, một Trung Quốc hiện đại hóa đang bị giằng co: Nên tiếp tục đế chế vì vinh quang của Trung Quốc? Hay là theo một nền chính trị hậu đế quốc tự nhiên nảy sinh từ xã hội và nền kinh tế mới như hình ảnh của Thượng Hải, Quảng Châu, và Bắc Kinh hiện nay?

Lực thúc đẩy chuyển hóa Vương quốc Trung tâm ngày xưa thành một bá quyền không dựa trên đạo lý Nho giáo nhưng trên quyền lực kinh tế, là vẫn còn, nhưng gặp hai lực phản. Một là, đến một lúc nào đó, sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước về kinh tế và văn hóa trên thế giới sẽ đụng đến tác phong gia trưởng chính trị. Hai là, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, và các cường quốc khác có thể sẽ không cho phép có một tân-Vương quốc Trung tâm như thế.

Vì Trung Quốc là một nhà nước độc tài, ta không thể biết người dân Trung Quốc muốn gì. Ta lại càng khó định hướng tương lai nền văn minh Trung Quốc, chẳng hạn khó thể nói rằng nó sẽ “đụng độ” với đạo Hồi hoặc với nền văn minh phương Tây hay không. Chúng ta có thể trả lời câu hỏi về các mục tiêu của Trung Quốc chỉ dựa theo các hành động của nhà nước độc đảng Bắc Kinh hiện nay. Chính ông “kỹ sư” làm nên Ủy ban thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSQT) đang tìm kiếm điều gì cho Trung Quốc? Chúng ta có thể nhận ra sáu mục tiêu trong hành động của họ.



Trung Quốc theo đuổi một chính sách đối ngoại nhằm tối đa hóa sự ổn định trong nước. Điều này cũng đúng với nhiều quốc gia khác, nhưng với Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc (CHNDTQ) thì tầm quan trọng của nó rất cao hơn. Bắc Kinh hậu-1949 ít khi xem việc kiểm soát nhân dân của họ là việc dễ dàng, cũng như việc này đã không được coi là dễ dàng bởi các nhà cầm quyền Trung Quốc qua 150 năm bị nước ngoài chèn ép và những khó khăn trong nước đánh dấu sự suy tàn của triều đại nhà Thanh. Từ buổi đầu của CHNDTQ cho đến nay, Bắc Kinh luôn cảnh giác việc bị mất khả năng kiểm soát các vùng xa xôi.

Ba tỉnh lớn nhất của Trung Quốc, Tân Cương, Tây Tạng và Nội Mông về mặt lịch sử không phải lãnh thổ Trung Quốc, và người dân địa phương ở đó khác biệt về tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, và cách sống điển hình so với người Hán. Đối phó với các nhóm dân thiểu số có thể thích độc lập hơn là thích bị Trung Quốc thống trị đã khiến Bắc Kinh phải dùng đến các biện pháp nửa thực dân. Ở Tây Tạng, giáo dục đại học chỉ dành cho các những ai nói tiếng Hoa, cả vùng phía tây rộng lớn của Trung Quốc đều theo giờ Bắc Kinh, và dân số Hồi giáo Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) ở Tân Cương đã được cố ý làm loãng ra bằng biện pháp nhập cư nội bộ của Trung Quốc, đó chỉ là vài ví dụ. Ngoài ra, luận điệu của ĐCSTQ như là nguồn mạch của sự thật cũng như của quyền lực tạo ra nhiều khu vực cấm tình thân phải được theo dõi sát. Bất kỳ khác biệt nào về triết lý cũng bị xem, có hoặc không có biện minh, như là một mối đe dọa chính trị đối với ĐCSTQ. Chế độ này tin bạn với tiền của bạn chứ không tin bạn với đầu óc của bạn.

Năm 1998, trong một chuyến thăm Nhật Bản, Giang Trạch Dân đã đọc 20 bài diễn văn gây sừng sốt về Thế Chiến thứ II. Trưởng thư ký nội các Nhật Bản cuối cùng đã nản lòng mà nói rằng “chẳng phải những lỗi lầm ấy đều đã ở sau lưng chúng ta rồi sao?”. Nhưng tội lỗi của Nhật Bản trong quá khứ sẽ không bao giờ “ở đằng sau chúng ta” cả, khi nào mà nhà nước đế quốc ở Bắc Kinh còn cảm thấy nhu cầu chứng tỏ sự chính đáng của họ với người dân Trung Quốc bằng cách hét to “bọn quân phiệt Nhật!”. Những bất an kiểu này định hình chính sách ngoại giao của Trung Quốc. Vì vậy, những giao dịch với Nam Á là nhằm mục đích làm suy yếu mối liên kết giữa Tây Tạng và chính phủ Tây Tạng lưu vong ở Ấn Độ -- tương tự, nhiều giao dịch với Trung Á là nhằm làm giảm hy vọng ly khai của người Duy Ngô Nhĩ (Uyghur) ở Tân Cương. Cũng chính mục tiêu kiểm soát trong nước đã chi phối chính sách của Trung Quốc đối với Mông Cổ, Hàn Quốc, Thái Lan và các nước láng giềng khác. Tóm lại, CHNĐTQ là một bán đế chế đa dạng, với nhiều cư dân có các liên hệ chủng tộc, tôn giáo, hoặc lịch sử với các dân tộc nằm ngay bên kia biên giới của Trung Quốc. Và CHNĐTQ là một chế độ chuyên chế mà, dường như để đối phó với những ác mộng mà họ gây cho họ, cư xử giống như những người cai trị sợ hãi người dân của chính họ.

Như thế, mục tiêu đầu tiên của Trung Quốc là sự ổn định nội bộ.

Mục tiêu thứ hai của chính sách ngoại giao của Bắc Kinh là duy trì tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Khi chủ nghĩa Mác phai nhạt dần và không có triết lý công cộng chính thức nào thay thế nó thì một mức sống được nâng cao và niềm tự hào quốc gia đã chính đáng hóa một chế độ không bao giờ phải đối mặt với bầu cử. Những thành tựu kinh tế trong phần tư thế kỷ kể từ khi Đặng Tiểu Bình cầm quyền lãnh đạo trong thời kỳ hậu-Mao chắc chắn là đáng được giữ gìn. Nền kinh tế đã tăng gấp bốn lần về kích cỡ, và tốc độ tăng trưởng hàng năm vẫn tiếp tục ở mức 8-9% (theo số liệu của chính phủ). Ngoại thương nói chung đã tăng gấp 10;

gần đây, khối lượng giao thương với nước ngoài đã tăng lên 25% mỗi năm. Sự tăng trưởng kinh tế hậu-Mao được đẩy mạnh bởi vốn nước ngoài, và các khu vực đô thị ven biển được hưởng lợi nhiều nhất từ thương mại, công nghệ và kỹ năng quản lý mà đầu tư này mang lại. Nông dân đã khá hơn trong những đợt cải cách đầu tiên, nhưng sau đó thì đã bị tụt lại phía sau cư dân thành phố một cách thê thảm, chỉ vào khoảng 15% nông dân được hưởng những thứ thường có trong cuộc sống của tầng lớp trung lưu hiện đại: điện thoại di động, truy cập internet, xe hơi, sở hữu nhà, và du lịch ra nước ngoài.

Bắc Kinh đang cẩn thận hoạch định một chính sách đối ngoại để duy trì tăng trưởng kinh tế, nhằm bảo toàn tính chính đáng của chế độ. Đó là lý do khiến Trung Quốc đã phải chấp nhận các đòi hỏi khắt khe của Mỹ và những nước khác để được gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới vào năm 2001, cũng do đó mà Trung Quốc có những hành động tung hứng tương đối minh bạch về tỉ giá giữa nhân dân tệ và đô la, và cũng do đó có sự tự kiềm chế của Trung Quốc trong tháng sáu vừa qua khi Úc cho phép một nhà ngoại giao đào thoát của Trung Quốc được quy chế thường trú tại Úc. (Trung Quốc ngày càng phụ thuộc vào khí thiên nhiên hóa lỏng, than đá, và quặng sắt của Úc.) Chắc chắn một phần để tránh thiệt hại cho lượng xuất khẩu khổng lồ của Trung Quốc sang thị trường Mỹ mà Bắc Kinh đã đình chỉ các vụ thử tên lửa khiêu khích tổ chức ngoài bờ biển của Đài Loan nhằm biểu lộ sự không hài lòng của Trung Quốc đối với một ứng cử viên ủng hộ độc lập trong cuộc bầu cử tổng thống của hòn đảo này năm 1996. (Tổng thống Bill Clinton đã phái hai tàu sân bay đến vùng lân cận.) Và vào năm 2001, sau một vụ va chạm giữa các máy bay quân sự của Mỹ và của Trung Quốc gần đảo Hải Nam, Bắc Kinh đột ngột ngưng những lời to tiếng “chống bá quyền” ban đầu của họ và trao trả toàn bộ nhân viên phi hành Mỹ - một lần nữa để bảo vệ mối quan hệ song phương cốt lõi cần cho việc đẩy mạnh hiện đại hóa kinh tế của Trung Quốc.

Mục tiêu thứ ba của chính sách đối ngoại của Bắc Kinh là duy trì một môi trường hòa bình trong vị trí địa lý phức tạp của Trung Quốc. CHNĐTQ là nước duy nhất trên thế giới phải đối phó với 14 nước láng giềng tiếp giáp, bảy trong số đó chia sẻ đường biên giới dài hơn 600 dặm, và bốn nước khác gần bên bờ biển quá dài của Trung Quốc. Trong 30 năm đầu của chế độ, CHNĐTQ đã tiến hành chiến tranh với tất cả năm nước cạnh bên sườn của họ. Trong chiến tranh Triều Tiên, họ phải chịu thiệt hại với hơn một triệu thương vong. Trung Quốc đã đánh nhau với Ấn Độ vào năm 1959 và 1962. Họ đã gửi 320.000 cán bộ kỹ thuật và bộ đội phòng không giúp Hồ Chí Minh giành chiến thắng trong chiến tranh Việt Nam. Năm 1969, hai nước xem là xã hội chủ nghĩa anh em là Moscow và Bắc Kinh đã vung kiếm đánh nhau ở sông Amur và Ussuri phía đông bắc. Trong năm 1979, Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình tấn công Việt Nam để “dạy cho Hà Nội một bài học”.

Đáng khen cho Trung Quốc và đáng làm cho các nước châu Á nhe nhúm, vào những năm 1980 Bắc Kinh đã theo đuổi một chính sách đối ngoại mới của “những nụ cười về mọi phía”, mà họ gọi là một “chính sách hòa bình và độc lập.” Không tiến hành thêm chiến tranh sau năm 1979, Bắc Kinh nhanh chóng làm dịu các mối quan hệ với Liên Xô, hàn gắn hàng rào bị vỡ với Indonesia, bất ngờ công nhận Hàn Quốc và nhét khăn vào cổ họng giận dữ của Bắc Triều Tiên, thiết lập và chia sẻ nhiệm vụ người canh công với Moscow ở Trung Á, tham gia sinh hoạt các tổ chức quốc tế hàng tháng, và cuối cùng trở nên dính chặt với Hoa Kỳ (ngoại trừ trong mối quan hệ quân sự) hơn bất cứ lúc nào trong lịch sử Trung Quốc. Trong một sự thay đổi rất nổi bật từ những cái đã là đúng đối với hầu hết lịch sử của CHNDTQ, Bắc Kinh ngày nay không có kẻ thù.

Sự thận trọng chờ thời vẫn đang tiếp tục. Trong các cuộc đàm phán sáu bên đang diễn ra hiện nay (Bài này đăng năm 2005 - Người dịch) về bán đảo Triều Tiên, Bắc Kinh với kiểu cách mập mờ, đang theo đuổi một chính sách (không nằm trong lợi ích của Mỹ) gìn giữ hòa bình bằng cách bám vào tình trạng hiện hữu. Một đất nước Triều Tiên bị chia cắt, dù vẫn tiếp tục với những quay cuồng sồn tóc gáy trong chính sách của Bình Nhưỡng, sẽ tốt cho Trung Quốc hơn là một Triều Tiên thống nhất với định hướng khó tiên đoán. Ở Trung Á cũng vậy, Bắc Kinh chỉ chọn “các cuộc đàm phán” về phân định cắm mốc biên giới và về các vấn đề “ly khai” dùng đẩy các vấn đề xuống dưới thảm và duy trì nguyên trạng.

Khi bước sang thế kỷ 21 thì rõ ràng là Bắc Kinh đã không còn theo chính sách “những nụ cười về mọi phía”, họ đổi sang đặt định nền móng cho một phiên bản Trung Quốc của Học thuyết Monroe ở Đông Á. Mục tiêu thứ tư này của Trung Quốc tất nhiên là không được nói ra. Trung Quốc cố thay thế Mỹ trong vai trò gây ảnh hưởng chính yếu ở Đông Á. Thật không may, các dự án do Washington cầm đầu ở Afghanistan và Iraq có thể đã làm cho chính quyền của Tổng thống Bush và công chúng Mỹ quên đi ý sự chuẩn bị mà Bắc Kinh đang tiến hành cho sự thống trị trong tương lai. Đáng lẽ Mỹ phải chú tâm sát sao tới những động thái này.

Mục tiêu thứ tư dựa vào uy tín lên cao của Trung Quốc do không bị xáo trộn bởi hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998, và vào sự thành công kinh tế trong hai thập kỷ của nước này. Cụ thể hơn, dù vẫn là tiêu cực, chủ đích của Trung Quốc trở nên khá rõ ràng. Trên một ít vấn đề toàn cầu mà các lợi ích Trung Quốc và Mỹ trùng hợp, hoặc Bắc Kinh không thể chống lại một cách có hiệu quả chính sách của Mỹ, thì hoặc họ sẽ đi theo Mỹ, hoặc “bỏ phiếu vắng mặt”, hoặc phản đối Washington một cách yếu ớt. Nhưng ở châu Á, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đang làm nhiều thứ để làm nãn lòng và loại Mỹ ra ngoài. Họ tìm cách chèn một cây nêm giữa Nhật Bản và Mỹ trong mọi cơ hội. Họ thì thầm trong tai Australia rằng sẽ tốt cho Canberra hơn nếu chỉ nhìn Châu

Á chứ không nhìn qua bên kia Thái Bình Dương. Trong tháng mười hai (năm 2005, chú thích của người dịch), một cột mốc quan trọng là ở hội nghị thượng đỉnh Đông Á họp tại Malaysia mà không có đại diện của Mỹ, một phần vì áp lực của Trung Quốc. Bắc Kinh coi hội nghị thượng đỉnh này như một bước tiến tới hình thành một tổ chức khu vực Đông Á không bao gồm Mỹ.

Trên diễn trường Đông Nam Á, có thể nghe không nhầm lẫn khúc dạo đầu một Học thuyết Monroe Trung Quốc ở Myanmar và ở nhiều nước khác. Myanmar nhận được viện trợ đáng kể của Trung Quốc, bao gồm cả kinh phí cho các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng. Các nhà lãnh đạo Myanmar lo ngại việc Hán hóa ở miền bắc Myanmar, nơi mà người gốc Hán sống và buôn bán. Nhưng cũng giống như nước Myanmar chũm hũu ngày xưa phải triều cống cho thiên triều Trung Quốc trong nhiều thế kỷ, những nụ cười với Bắc Kinh là một chính sách bảo hiểm cho Myanmar. Kết quả là Myanmar đã bước vào vòng ảnh hưởng của Trung Quốc như Lào hiện nay. Thái Lan và thậm chí Malaysia có thể là các ứng viên trong tương lai.

Trong khi ấy, Bắc Kinh vung quén một nhận thức về Trung Quốc như một nước ngang bằng với Mỹ - mục tiêu quý giá thứ năm. Hãy xem chuyến viếng thăm Mỹ của Giang Trạch Dân năm 1997. Tờ *New York Times* tường thuật “Các nhà đàm phán Mỹ chuẩn bị cho chuyến thăm nói rằng họ bối rối về cách mà các đối tác Trung Quốc của họ dường như tỏ ra coi trọng quá mức các chi tiết về nghi thức và biểu tượng.” Những thứ này bao gồm kích thước và màu sắc của thảm, vị trí trong các bức ảnh sẽ chụp của ông Giang, của biểu tượng Veritas của Đại học Harvard và chuông Tự Do của Philadelphia, và kiểu dáng và mẫu mã các cà vạt của Giang Trạch Dân và Tổng thống Clinton sẽ mang. Tất cả các chi tiết đó đã được dàn dựng để làm nổi thêm hình ảnh Trung Quốc là ngang hàng với Mỹ. Sau chuyến viếng thăm, một xã luận của tờ (New York) Times chắc đã làm phẫn khởi Bắc Kinh: “[Ông Giang] đã dùng sự xuất hiện của ông với ông Clinton để tự thể hiện mình như một chính khách có thể gặp gỡ một cách ngang hàng với nhà lãnh đạo của quốc gia giàu nhất và mạnh nhất thế giới.”

Năm sau đó, Clinton đi Trung Quốc, và Bắc Kinh cũng lặp lại bài bản tương tự cố đánh ra cú đấm vượt quá hạng cân của mình. Đàm phán quyết liệt để cho Clinton không ghé qua Nhật trên đường đi - một cách để cho thấy đó chính là chuyến thăm Trung Quốc chứ không phải nước nào khác - và kéo dài chuyến thăm này thành tám ngày để nó có thể hơn bảy ngày lịch sử mà Nixon đã dành ở Trung Quốc vào năm 1972. Trong một bài phát biểu mật sau chuyến thăm này, Thủ tướng Trung Quốc bày tỏ sự hài lòng rằng Clinton “không dừng chân tại Nhật Bản trên đường đến Trung Quốc... với kết quả là Nhật Bản đã bị mất mặt.” Báo chí chính thức Trung Quốc chớp ngay lấy bất kỳ mảnh bình luận từ bên ngoài Trung Quốc cho rằng Clinton và Giang Trạch Dân đã gặp nhau như hai

lãnh đạo ngang bằng. Họ tuyên bố rằng “hai nhà lãnh đạo cùng với nhau” (quên đi châu Âu, Nhật Bản, và Ấn Độ) đã làm Châu Á “ổn định hơn” và “thế giới hòa bình hơn”.

Mục tiêu thứ sáu của chính sách ngoại giao Trung Quốc là “lấy lại” những vùng lãnh thổ mà Bắc Kinh cho là theo đúng lẽ thì thuộc về CHNDTQ. Danh sách các vùng lãnh thổ mà họ cho là như vậy gồm từ những khu vực mà họ công khai tuyên bố là của họ cho đến những khu vực mà họ bí mật hi vọng sẽ có ngày chiếm đoạt. Danh sách ấy gồm Đài Loan và một số lớn các đảo trong vùng biển Hoàng Hải, biển Nam Trung Hoa (Biển Đông), và Biển Đông Trung Hoa. Trong trường hợp Đài Loan, Bắc Kinh đang chờ đợi một thời cơ kết hợp diễn biến thuận lợi (theo Bắc Kinh) trong chính trị nội bộ Đài Loan, sự mệt mỏi của Mỹ do căng thẳng hỗ trợ Đài Loan, khả năng lớn hơn của Trung Quốc vận chuyển binh lính và trang thiết bị nhanh chóng vượt qua eo biển Đài Loan rộng 100 dặm, và một Nhật Bản dễ uốn theo mong muốn của Trung Quốc hơn hiện nay. Trong trường hợp quần đảo Trường Sa, trải dài qua các tuyến đường biển rất quan trọng ở Đông Nam Á và có yêu sách chủ quyền từng phần của sáu quốc gia, Bắc Kinh đang chờ đợi đủ năng lực hải quân để “khôi phục lại” quyền kiểm soát các đảo về cơ bản là không có người ở nhưng giàu dầu mỏ và các nguồn tài nguyên khác này. Không ít người Việt Nam, Hàn Quốc, Thái Lan, và Ấn Độ cũng dự kiến rằng Trung Quốc, khi có thể, sẽ đưa ra đòi hỏi chủ quyền đối với một số phần của lãnh thổ của họ có lần thuộc Trung Quốc khi xưa.

Về khát vọng của Trung Quốc đối với vùng lãnh thổ trên sườn phía bắc của họ, Mao đã nói điều này vào năm 1964: “Khu vực phía đông của hồ Baikal là của chúng ta đã trở thành lãnh thổ của Nga khoảng 100 năm trước đây và kể từ đó Vladivostok, Khabarovsk, Kamchatka, và các khu vực khác cũng là lãnh thổ của Liên Xô. Chúng ta chưa đưa ra chứng cứ của chúng ta về danh sách này. Chúng ta có thể đưa ra chứng cứ khi đúng lúc.” Đến năm 1973, Mao kéo dài thêm danh sách các vùng lãnh thổ ông cảm thấy đã bị Moscow đánh cắp. Trong một cuộc trò chuyện về các chủ đề khác với Ngoại trưởng Henry Kissinger, đột nhiên ông than phiền “Liên bang Xô viết đã xẻo bớt của Trung Quốc một triệu rưỡi kilomet vuông.” Trong những năm 1960 và 1970, cũng đảng Cộng sản hiện cầm quyền ở Bắc Kinh đã tuyên bố nhiều phần của Kazakhstan, Tajikistan và Kyrgyzstan ngày nay là các bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc. Nếu sự nắm giữ của Nga đối với vùng Viễn Đông yếu đi, và sự qua lại của người Trung Quốc sống và buôn bán trong các khu vực biên giới tiếp tục, Trung Quốc có thể “đưa ra chứng cứ chủ quyền” đối với một phần của Siberia.





Chẳng phải lúc nào một cường quốc đang lên cũng đạt được mục tiêu của mình. Đối với các quốc gia chuyên chế thời hiện đại, những thành công của họ hầu hết đều ngắn ngủi. Các mục tiêu của cả ba cường quốc phát xít gây ra Chiến tranh thế giới II, đã đột ngột bị đập tắt năm 1945, và các mục tiêu đối ngoại của khối Xô Viết cũng đã biến mất không còn dấu vết sau năm 1991. Tôi tin rằng Trung Quốc có sẽ đạt được sáu mục tiêu của chính sách đối ngoại của họ hay không là tùy thuộc vào hệ thống chính trị của họ và vào phản ứng của các cường quốc khác sẽ là thế nàđối với những tham vọng của nước ấy.

Màn kịch trong tương lai cận kề của Trung Quốc có thể sẽ diễn ra chẳng phải trong quan hệ đối ngoại nhưng ở trong nước: Đòi hỏi của của giới trung lưu đối với quyền sở hữu, sự bất mãn ở nông thôn, Internet, 150 triệu người thất nghiệp lang thang giữa làng mạc và thành phố, và một dân số thịnh lĩnã lão hóa đang gây ra những căng thẳng tài chính và xã hội, sẽ kịch tính hoá một số những mâu thuẫn của “chủ nghĩa Lenin thị trường.” Đi một đường trong kinh tế và một đường khác trong chính trị gây ra khó khăn trong việc đi tới một điểm đích quy định. Cách thức mà Trung Quốc giải quyết các mâu thuẫn giữa chính trị và kinh tế của họ sẽ xác định mức độ mạnh mẽ như thế nào vai trò mà họ sẽ giữ trên thế giới.

Sự trỗi dậy hiện nay của Trung Quốc, giống như sự nổi lên của Đức và Nhật cuối thế kỷ 19, thể hiện cao vọng, lòng bất bình, và chủ nghĩa dân tộc cao độ. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của các quốc gia có nhiều hậu quả khác nhau. Chẳng hạn Vương quốc Anh cuối cùng chấp nhận một cách bình thản sự trỗi dậy của Mỹ ở Tây bán cầu. Ngược lại, sự trỗi dậy của Đức và Nhật Bản kết thúc bằng hai cuộc chiến tranh thế giới và sự hủy diệt hệ thống chính trị ở hai nước này - thay thế bằng các chính thể hoàn toàn mới và cách hành xử quốc tế hoàn toàn mới. Dân chủ, chứ không phải những đặc điểm văn minh hoặc bất kỳ sự khác biệt to lớn về tầm mức kinh tế quốc gia hiện nay so với những năm 1930, là lý do Đức và Nhật Bản đã trở thành cường quốc hành xử đàng hoàng trong thời đại chúng ta. Dù có ảnh hưởng to lớn, cả hai đều không là mối đe dọa cho các nước khác như trước đây. Vai trò tương lai của Trung Quốc trên thế giới sẽ được định đoạt phần lớn bởi những gì xảy ra với hệ thống chính trị lỗi thời của nước này trong hai thập kỷ sắp đến

Đôi khi ta quên rằng bất cứ ở đâu, khi nào, việc thăng được lên vị trí bá chủ mới luôn luôn cần ba yếu tố: *Một là* ý muốn trở thành số một của cường quốc đang lên, *hai là* khả năng đạt được mục tiêu đó, và *ba là* sự chấp nhận cường quốc ấy về phía những nước chịu ảnh hưởng. Bắc Kinh có ý muốn. Khả năng thì chưa rõ là có vượt ngoài tầm của họ hay không. Nhưng liệu những nước ngoài Trung Quốc có chấp nhận họ chẳng?

Đông Á vẫn còn giữ kỷ ức về Vương triều Trung tâm (Trung Quốc). Mỗi người Việt Nam và Hàn Quốc đều biết thái độ ngạo mạn lâu đời của

triều đình Trung Quốc đối với các nước láng giềng. Tốt hoặc xấu, khoảng 60 triệu người Hoa đang cư trú ở Đông Á bên ngoài CHNDTQ, nhắc nhở Indonesia, Philippines, Malaysia, và các nước chủ nhà khác về sự ưu việt của văn minh Trung Quốc trong khu vực; trong một số trường hợp, tình trạng sống chung vẫn còn căng thẳng. Một nửa dân số Đài Loan chống đối thẳng thừng ý định của Bắc Kinh “tái lập” sự cai trị hòn đảo của họ, theo các cuộc thăm dò; trong một cuộc khảo sát năm 2002, 38% coi mình như là người Đài Loan, 8% như người Hoa, 50% như là cả hai.

Trung Quốc đã qua nhiều thập kỷ tự xưng là nạn nhân: “bị cạo khọt giống như một quả dưa” sau chiến tranh Nha phiến, bị bắt nạt bởi các “đế quốc” phương Tây, vân vân.... Thành công ban đầu của họ như một nước bá quyền sẽ nhanh chóng đặt ra những vấn đề về diện mạo của họ cũng như nhiều hậu quả thực tế. Trung Quốc sẽ phát giác, như Mỹ đã đau đớn phát giác, rằng một chúa tể mới lên của rừng xanh sẽ bị các vết cắn của những con thú khác vừa bị đẩy ra ngoài. Một nước Nhật nhìn thấy Trung Quốc ánh Mỹ - một đồng minh chính của Nhật, một nước mà ưu thế hàng đầu trong khu vực Đông Á đã khiến Nhật kềm chế trong sáu thập kỷ - chắc chắn sẽ thách thức Trung Quốc. Một lần nữa, như trong năm thập kỷ sau năm 1894, Trung Quốc và Nhật Bản sẽ giành giật nhau - và có thể đánh nhau - để kiểm soát khu vực này.

Một Trung Quốc chuyên chế - lo lắng về khả năng kiểm soát chính người Trung Quốc và không nắm giữ một cách thoải mái bán đế quốc “phi Hán” ngay chính trong lãnh thổ của họ - sẽ có thể thiếu sự hấp dẫn đạo đức để lãnh đạo châu Á. Có thể lý luận rằng đế quốc Trung Quốc xưa, trong nhiều thế kỷ đã qua, là một thế lực ổn định, nhưng trong thế kỷ 21, bất kỳ một động thái nào của Trung Quốc nhằm mở rộng đế quốc của họ, hoặc chỉ để tiếp tục dài lâu các lĩnh vực đa quốc gia hiện tại của họ, có lẽ khả năng gây bất ổn.

Ở Liên Xô, đã có một liên hệ chặt chẽ giữa “đế quốc” và “chuyên chính cộng sản”. Ở Trung Quốc cũng có một gắn kết tương tự. Cũng như Nga, Trung Quốc là một mảnh đất rộng không có một đế quốc nhưng là một đế quốc. Sự tan rã của Liên Xô kết thúc Chiến tranh Lạnh cũng như làm nứt vỡ sự độc quyền chính trị của Đảng Cộng sản ở Moscow. Điều Zbigniew Brzezinski nói về Moscow cũng đúng cho cả Bắc Kinh: “Nga có thể là một đế quốc hay một nền dân chủ, nhưng không thể là cả hai.”

Moscow, dưới áp lực, đang xác định lại những lợi ích quốc gia của họ, khi họ để lại sau lưng nhiều thập kỷ là đế quốc cộng sản. Trung Quốc hầu như mới chập chững bắt đầu tiến trình này. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc phải tự hỏi xem họ có thể cai trị suông sẽ một xã hội khác biệt với Trung Quốc như Đài Loan ngày nay hay không. Họ có thể nên cân nhắc liệu để cho Tây Tạng như là một nhà nước liên kết với Trung Quốc - chắc chắn là dưới cái bóng của Trung Quốc, nhưng có chủ quyền - có thể

là tốt hơn so với sự căng thẳng dai dẳng giữa Lhasa và Bắc Kinh như nay hay không. Những câu hỏi này chưa được nêu ra bởi vì Trung Quốc vẫn còn trong quá trình chuyển đổi từ chế độ quốc cộng sản sang quốc gia hiện đại, và còn bị giằng co giữa những gì họ muốn và những gì họ thực sự cần. Các huyền thoại quốc gia (một “Trung Quốc nạn nhân”) đúng là lý thú; nhưng sự mời gọi của lợi ích quốc gia (một “Trung Quốc thịnh vượng”) có vẻ hấp dẫn hơn.

Còn nhiều vấn đề nữa về khả năng của Trung Quốc trở thành một bá quyền toàn cầu. Bắc Kinh hiện nay không thể phóng sức mạnh của họ ra xa; trong thảm họa sóng thần tháng 12 năm 2004 họ đã không thể làm như vậy, ngay cả tới Nam và Đông Nam Á. Nhiều vấn đề chắc chắn sẽ phát sinh ở châu Phi và châu Mỹ La tinh, bắt đầu với ngôn ngữ và bao gồm cả chủng tộc và tôn giáo rồi văn hóa, nếu Trung Quốc tìm cách để có tác động ở những khu vực mà châu Âu và Mỹ đã có ảnh hưởng. Ngoài ra còn nhiều nghi ngờ rằng liệu Trung Quốc có đủ trang bị về mặt triết lý cho sự thống trị thế giới theo cách mà nước Anh đã từng hưởng qua sức mạnh trên biển, hoặc theo cách Mỹ hiện đang hưởng dựa trên các giao dịch kinh doanh, sức mạnh quân sự, văn hóa đại chúng, và những ý niệm về thị trường tự do và dân chủ. Ý thức về sức mạnh của chủ nghĩa Mao chắc chắn là mạnh mẽ, giống như ý thức về “sứ mệnh” của người Anh-Mỹ phát xuất từ đạo Tin Lành. Nhưng, nếu không có sự bén nhọn của chủ nghĩa cộng sản thì chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc thiếu một thông điệp cho thế giới. Nước Mỹ dưới thời Tổng thống George W. Bush rõ ràng là có một thông điệp, ngay khi nó hầu như không thuyết phục được ai không phải là Mỹ. CHNDTQ hiện nay chẳng có thông điệp nào, nhưng rất chuyên tâm trong việc kiểm soát trong nước và tham vọng có một bầu ảnh hưởng.

Tôi nói về Trung Quốc như một nước có tham vọng. Nhưng có sẽ tốt hơn cho Trung Quốc nếu họ là một cường quốc bảo thủ? Mỗi mệnh đề đều có những người nhiệt tình ủng hộ, nhưng cả hai có một mối quan hệ âm dương. Các yêu sách bành trướng của Bắc Kinh thì ai cũng thấy rõ ràng và là độc nhất trong các cường quốc ngày nay. Tuy nhiên, chế độ Bắc Kinh, tuy là chế độ độc tài, là một chế độ độc tài có lý trí. Họ biết đếm các con số. Họ thường kiên nhẫn trong việc thực hiện các mục tiêu của mình. Được trang bị với một lực lượng nòng cốt ngày càng nhiều quan chức trẻ, được đào tạo bài bản, Bắc Kinh ngày nay không như các triều đình nhà Minh và nhà Thanh xưa, lừa mị chính mình bằng những hư cấu đẹp đẽ để che giấu sự cách biệt giữa thực tế và thế giới quan ưa thích của Trung Quốc. Tóm lại, Trung Quốc là một cường quốc đầy tham vọng, nếu phải chạm mặt với sức mạnh đối kháng, sẽ hành động thận trọng trong chiến lược dài hạn của họ. Họ biết chắc có một danh sách đáng nể gồm các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ ... có nhiều lý do để từ chối cho Trung Quốc cơ hội làm Vương quốc Trung tâm của thế kỷ 21. Trung Quốc không phải là yếu như họ dường như thế

khi còn là “một con bệnh của Châu Á.” Quốc gia này có thể cũng không mạnh mẽ một cách bền vững như họ có vẻ hiện nay đối với những người sợ hãi hay chiêm ngưỡng họ.

© Bản dịch Thời Đại Mới